

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	8.0%	171.5%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	27.3%	-	-9.4%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	28.0%	-	4.0%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	17.5%	195.7%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	11.7%	-	19.7%
VHM*	31/05/21	2	102,600	Nắm giữ	102,300	0%	-	4.3%	39.2%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	33.9%	53.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	138.7%	167.8%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	12.0%	81.1%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	48.8%	161.0%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	13.4%	-	127.1%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	12.3%	42.7%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	23.8%	59.9%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	19.0%	96.1%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	3.2%	-	17.8%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	3.6%	-	40.1%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	0.4%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	14.3%
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	13.3%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	20.4%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	32.1%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	14.6%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	47.9%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	109.1%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	25.6%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	31.4%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	53.6%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	41.0%
SMC*	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	45.0%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	44.8%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	31.2%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	44.3%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	26.7%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	1.2%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-8.3%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	-1.5%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	13.3%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	5.0%

PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	-2.9%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	98.7%
GAS	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	34.1%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	77.6%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	21.7%
SAM	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	11.6%
LAF	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	13.8%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	51.5%
MSR	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	19.0%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	75.8%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	100.5%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	200.6%
DRI*	20/10/20	4,730 - 5,230	10,230	3,930	1:4	173.8%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000
CEO	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường mở cửa tích cực nhưng sau đó nhìn chung chuyển thành dao động trong biên độ hẹp quanh tham chiếu, với diễn biến về cuối ngày là hồi phục và đóng cửa lấy lại sắc xanh.

Tương quan tăng giảm nghiêng về phía giảm trên toàn thị trường với số mã giảm trội hơn một chút, nhưng trong nội bộ nhóm VN30 thì chênh lệch lớn hơn nhiều. Ngân hàng là nhóm ngành tác động tiêu cực nhất đến VNINDEX, trong khi đối trọng ở chiều ngược lại là nhóm Bất động sản.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 12/10/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và cao hơn mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước và cao hơn trung bình.

⇒ Thị trường thể hiện sự e dè khi tiếp cận mức điểm chặn 1,400 (chủ yếu mang tính tâm lý) và khiến đà tăng hạ nhiệt. Dù vậy thì lực mua giá thấp vẫn hiện hữu rõ ràng và diễn biến hồi phục về cuối ngày là những tín hiệu tích cực ủng hộ xu hướng tăng.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,200
	1,310 – 1,320
Kháng cự	1,350 – 1,380
	1,420

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
FID	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021	13/10/2021	14/10/2021	13/10/2021
CCV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	13/10/2021	14/10/2021	13/10/2021
GVR	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (600 đ/cp)	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nằm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

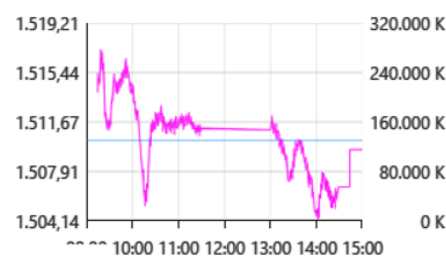
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,394.80	0.05%	0.71	742.81	22,191.9	175	58	228
Vn30 - Index	1,509.57	-0.05%	-0.70	174.56	8,486.9	8	5	17
Vn - Mid	1,731.46	0.49%	8.49	240.29	6,715.3	34	9	27
VN - Small	1,739.69	0.57%	9.92	190.86	4,188.9	78	27	87
HNX - Index	375.68	0.36%	1.34	105.24	2,450.3	101	64	171
Upcom - Index	98.81	0.01%	0.01	96.97	2,030.5	157	76	142

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

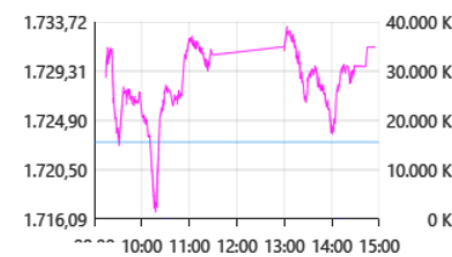
VN-INDEX



VN30



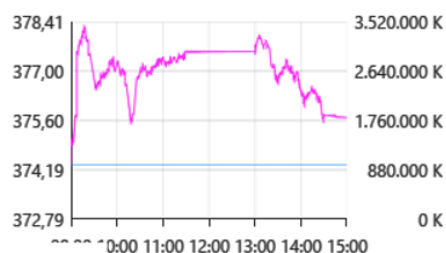
VN-MID



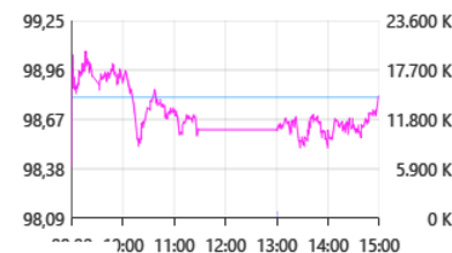
VN-SMALL



HNX-INDEX



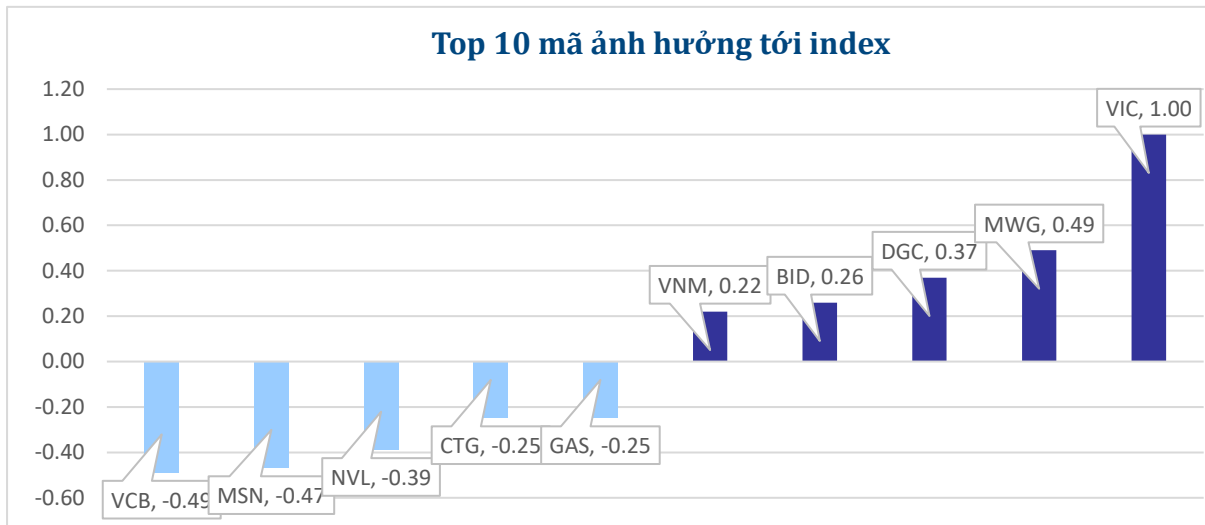
UPCOM



THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	22,191.90	-2.63%	742.81	-2.82%
HNX	2,450.30	26.25%	105.24	12.20%

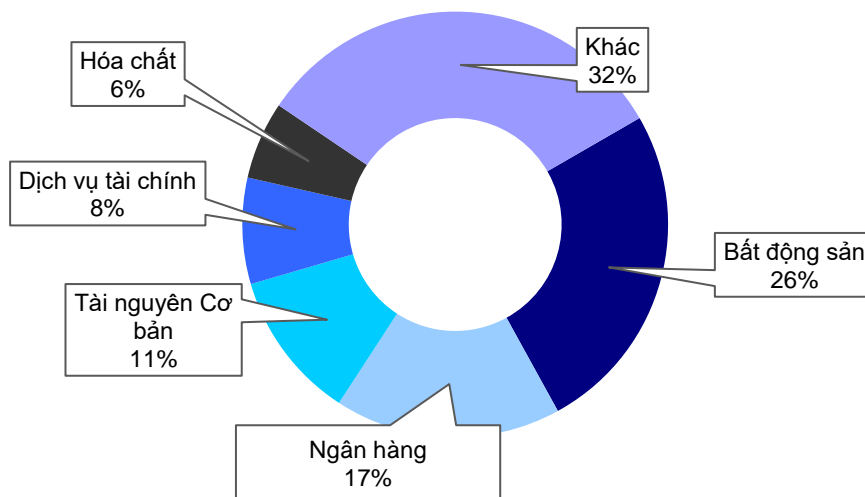
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

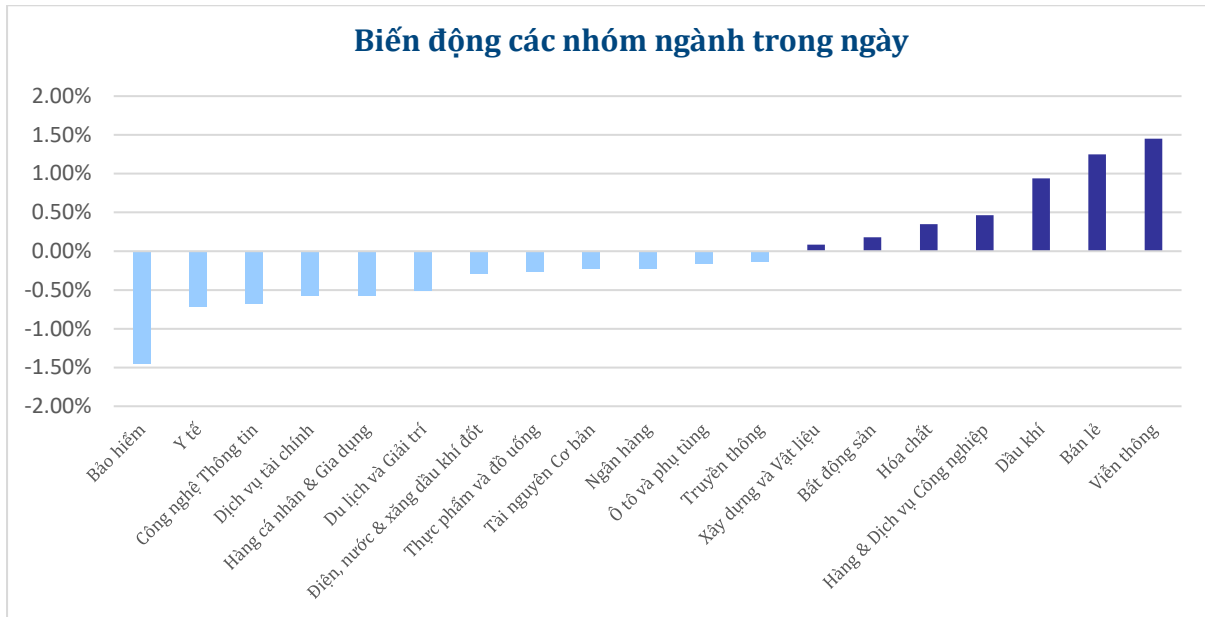


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
SHB	38.14	SHB	1,143.9	AGR	305%	HDC	6.5%	IDC	-7.0%
FLC	34.91	HPG	1,035.2	DGW	294%	DGC	5.4%	TGG	-6.9%
POW	22.14	TCB	753.6	DGC	263%	DRH	5.4%	ASP	-4.8%
HPG	18.11	VHM	655.3	IJC	235%	DXS	5.2%	LSS	-2.6%
MBB	14.88	HSG	503.5	PVT	208%	NTL	4.3%	DLG	-2.3%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày

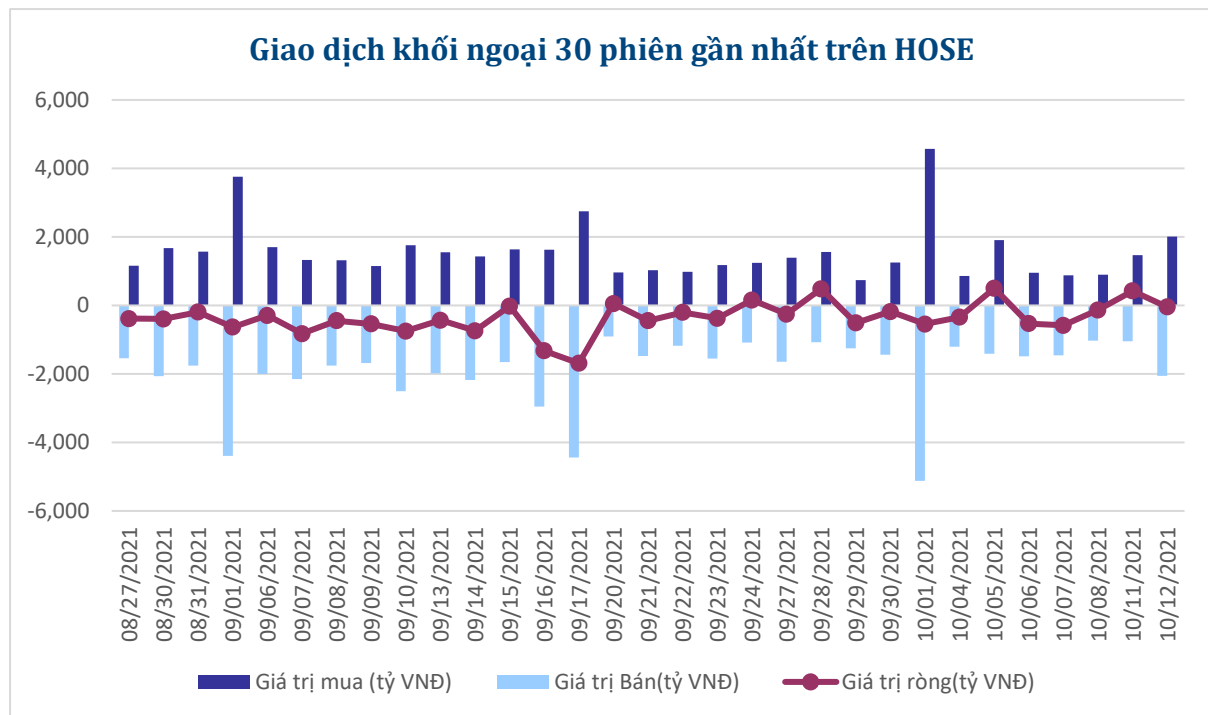




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 41.35 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 12.31 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
FMC	270.62	HPG	119.58
VRE	81.29	GMD	54.23
MBB	41.06	VNM	50.13
GAS	30.56	GVR	44.31
STB	24.64	NLG	44.20





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: ivs@gtjas.com.vn Website: www.ivs.com.vn	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696